TUẦN 6

Toán (Tăng)

Ôn tập về phép chia: bảng chia 2, bảng chia 5

I.YÊU CẦU CẦN ĐẠT:

1. Năng lực đặc thù.

- Ôn tập về phép chia, Bảng chia 2, Bảng chia 5.
- Làm quen với giải bài toán về phép chia.
- Vận dụng được các phép tính đã học vào giải quyết một số tình huống gắn với thực tế.
- Phát triển năng lực toán học

2.Năng lực chung.

- Năng lực tự chủ, tự học: Chủ động học tập, tìm hiểu nội dung bài học. Biết lắng nghe và trả lời nội dung trong bài học.
- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Vận dụng được các phép tính đã học vào giải quyết một số tình huống gắn với thực tế.
- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Thực hiện tốt nhiệm vụ trong hoạt động nhóm.

3. Phẩm chất.

- Phẩm chất nhân ái: Có ý thức giúp đỡ lẫn nhau để hoàn thành nhiệm vụ.
- Phẩm chất chăm chỉ: Chăm chỉ suy nghĩ, trả lời câu hỏi; làm tốt các bài tập.
- Phẩm chất trách nhiệm: Giữ trật tự, biết lắng nghe, học tập nghiêm túc.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

1. Giáo viên: Kế hoạch bài dạy, bài giảng Power point.

2. Học sinh: SGK và các thiết bị, học liệu phụ vụ cho tiết dạy.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

1. Khởi động:

- Cho lớp chơi trò chơi "Vòng quay kì diệu" trả lời các câu hỏi liên quan đến bảng chia 2, bảng chia 5.	- HS tham gia chơi
- GV nhận xét, giới thiệu bài	- HS ghi tên bài

2. Luyện tập

Bài 1: Tính nhẩm 6 : 2 = 25 : 5 = 15 cm : 5 = 18 : 2= 30 : 5 = 12 kg : 2 = 14 : 2= 5 : 5 = 40 dm : 5 =	
- Đọc yêu cầu?	- HS đọc
- Bài yêu cầu làm gì?	- HS xác định yêu cầu đề.
- Yêu cầu HS làm bài?	- HS suy nghĩ thực hiện vào vở cá nhân. - Hai bạn cùng bàn thảo luận cặp đôi, trao đổi đáp án.
- GV cho lớp nhận xét, chữa bài. -> GV chốt KT: Củng cố về bảng chia 2, bảng chia 5	- Các nhóm giơ tay trình bày kết quả

Bài 2: Viết phép chia và số thích hợp vào ô trống (theo mẫu)

Phép nhân	Phép chia	Số bị chia	Số chia	Thương
2 x 4 = 8	8 : 2= 4	8	2	4
	8 : 4= 2	8	4	2
2 x 8 =16				
5 x 7 =				
5 x 10 =				

- Bài yêu cầu làm gì? - Yêu cầu HS làm bài?	- HS xác định yêu cầu đề. - Hai bạn cùng bàn suy nghĩ thảo luận cặp đôi, trao đổi đáp án hoàn thành vào vở.
- GV nhận xét, chốt đáp án đúng. -> *GV chốt KT:* Củng cố về mối quan hệ giữa phép nhân và phép chia, tên gọi thành phần kết quả của phép chia.	- HS lên bảng chữa bài

Bài 3: Hoàn thành câu và viết phép chia thích hợp

a. Có 35 chiếc khẩu trang, chia cho mỗi hộp 5 chiếc khẩu trang. Chia đủ cho …. hộp? Ta có phép chia:

□ ○ □ = □

b. Có 12 bánh xe, lắp vào mỗi xe 2 bánh. Lắp đủ cho… xe đạp. Ta có phép chia:

□ ○ □ = □

a. - Bài cho biết gì?	- Có 35 chiếc khẩu trang, chia cho mỗi hộp 5 chiếc khẩu trang.
- Bài hỏi gì?	- Chia đủ cho …. hộp?
- Muốn biết 35 chiếc khẩu trang, chia cho mỗi hộp 5 chiếc khẩu trang được bao nhiêu hộp thì ta làm thế nào?	Ta lấy: 35 : 5 = 7
- Vậy chia đủ cho mấy hộp?	- Chia đủ cho 7 hộp
b. GV tiến hành tương tự -> *GV chốt KT*: Củng cố về bài toán liên quan đến ý nghĩa của phép chia.	- HS chữa bài. - HS làm và chữa bài

3.Vận dụng

Bài 4: An đi học về, thấy trước cửa nhà mình có 12 chiếc giày lạ. An đoán là nhà mình đang có khách. Hỏi nhà An đang đang đón tiếp mấy người khách?

- Cho HS đọc đề	- HS đọc đề, thảo luận.
+ Bài toán cho biết gì?	- An đi học về, thấy trước cửa nhà mình có 12 chiếc giày lạ. An đoán là nhà mình đang có khách.
+ Bài toán hỏi gì?	Hỏi nhà An đang đang đón tiếp mấy người khách?
- Mỗi người khách cần đi mấy chiếc giày?	- Mỗi người khách cần đi 2 chiếc giày.
- Để biết nhà An đang đang đón tiếp mấy người khách em làm thế nào?	- Ta thực hiện phép tính chia: 12 : 2
+ GV cho HS thảo luận cặp đôi trình bày bài toán	<u>Bài giải</u> Mỗi người khách cần đi 2 chiếc giày
+ GV mời 2 HS trình bày câu trả lời	Nhà An đang đang đón tiếp số người khách là:
- GV cho lớp chữa bài và lưu ý cho HS khi trình bày lời giải.	12 : 2 = 6 (người khách) Đáp số: 6 người khách
-> *GV chốt KT:* Củng cố cách trình bày bài giải của dạng bài toán này.	
+ *Qua tiết học hôm nay, em biết thêm được điều gì?*	- HS nêu
- GV nhận xét, tóm tắt lại các dạng bài tập chính của tiết học.	
- GV nhận xét, đánh giá quá trình học tập của HS và rút kinh nghiệm đối với các HS chưa chú ý, chưa tích cực tham gia xây dựng bài; khen ngợi những HS tích cực.	- HS nghe và ghi nhớ
- GV nhận xét tiết học, dặn HS về ôn bài.	

<u>Toán (Tăng)</u>

Luyện tập: Bảng chia 3

I.YÊU CẦU CẦN ĐẠT:

1. Năng lực đặc thù.

- HS tìm được kết quả các phép tính trong bảng chia 3
- Phát triển năng lực lập luận, tư duy toán học và năng lực giao tiếp toán học.

2.Năng lực chung.

- Năng lực tự chủ, tự học: Chủ động học tập, tìm hiểu nội dung bài học. Biết lắng nghe và trả lời nội dung trong bài học.
- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Vận dụng Bảng chia 3 để tính nhẩm.
- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Thực hiện tốt nhiệm vụ trong hoạt động nhóm.

3. Phẩm chất.

- Phẩm chất nhân ái: Có ý thức giúp đỡ lẫn nhau để hoàn thành nhiệm vụ.

- Phẩm chất chăm chỉ: Chăm chỉ suy nghĩ, trả lời câu hỏi; làm tốt các bài tập.
- Phẩm chất trách nhiệm: Giữ trật tự, biết lắng nghe, học tập nghiêm túc.

3. Phẩm chất:

- Chăm chỉ : Chăm học, ham học, có tinh thần tự học ; chịu khó đọc sách giáo khoa, tài liệu và thực hiện các nhiệm vụ cá nhân.
- Trung thực : trung thực trong thực hiện giải bài tập, thực hiện nhiệm vụ, ghi chép và rút ra kết luận.
- Yêu thích môn học, sáng tạo, có niềm hứng thú, say mê các con số để giải quyết bài toán.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

1. Giáo viên: Kế hoạch bài dạy, bài giảng Power point.

2. Học sinh: SGK và các thiết bị, học liệu phụ vụ cho tiết dạy.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

1. Khởi động:

- Cho lớp chơi trò chơi "Vòng quay kì diệu" trả lời các câu hỏi liên quan đến bảng chia 3.	- HS tham gia chơi
- GV nhận xét, giới thiệu bài	- HS ghi tên bài

2. Luyện tập

Bài 1: Số?

18 : 3 = ☐ 6 : ☐ = 2 ☐ : 3 = 1

24 : 3= ☐ 27 : ☐ = 9 ☐ : 3 = 9

- Đọc yêu cầu?	- HS đọc
- Bài yêu cầu làm gì?	- HS xác định yêu cầu đề.
- Yêu cầu HS làm bài?	- HS suy nghĩ thực hiện vào vở cá nhân. - Hai bạn cùng bàn thảo luận cặp đôi, trao đổi đáp án.
- GV cho lớp nhận xét, chữa bài. -> *GV chốt KT*: Củng cố về bảng chia 3	- Các nhóm giơ tay trình bày kết quả

Bài 2: Tính

9 mm : 3 = 30kg : 3 = 15 dm : 3 =

21cm : 3 12g : 3 = 27 *l* : 3 =

- Bài yêu cầu làm gì?	- HS xác định yêu cầu đề.
- Yêu cầu HS làm bài?	- HS suy nghĩ thực hiện vào vở cá nhân. - Hai bạn cùng bàn thảo luận cặp đôi, trao đổi đáp án.
- GV cho lớp nhận xét, chữa bài. -> *GV chốt KT*: Củng cố về các phép chia trong bảng chia 3 có kèm theo tên đơn vị.	- 3 em lên bảng chữa bài

Bài 3: Quan sát tranh, nêu phép tính thích hợp

□ x □ = □ : □ = □ : □ =	
- GV yêu cầu HS quan sát tranh	- HS quan sát tranh
- Mỗi rổ có mấy quả dưa?	- Mỗi rổ có 3 quả dưa
- Có bao nhiêu rổ?	- Có 6 rổ
- Nêu phép nhân tương ứng để tìm số quả dưa?	- Ta có phép nhân: 3 x 6 = 18
- Từ phép nhân 3 x 6 = 18 ta lập được những phép chia nào?	18: 3 = 6; 18 : 6 = 3 - HS chữa bài
-> *GV chốt KT*: Củng cố về ý nghĩa phép nhân, mối quan hệ giữa phép nhân và phép chia.	

3.Vận dụng

Bài 4: Ngôi nhà nơi gia đình An ở có 4 tầng, mỗi tầng cao 3 mét.

a. Hỏi ngôi nhà của gia đình An cao bao nhiêu mét?

b. Cạnh ngôi nhà có một cây sấu, An quan sát thấy chiều cao của cây sấu bằng chiều cao của ngôi nhà giảm đi 3 lần. Hỏi cây sấu đó cao bao nhiêu mét?

a. - Bài cho biết gì?	- Ngôi nhà nơi gia đình An ở có 4 tầng, mỗi tầng cao 3 mét.
- Bài hỏi gì?	- Hỏi ngôi nhà của gia đình An cao bao nhiêu mét?
- Muốn biết ngôi nhà của gia đình An cao bao nhiêu mét ta làm thế nào?	- HS nêu
_ GV cho HS tự trình bày bài giải vào vở.	- HS trình bày lời giải vào vở cá nhân. - HS chữa bài. Bài giải Ngôi nhà của gia đình An cao số mét là: 3 x 4 = 12 (m) Đáp số : 12 m
- GV thu chấm 3 em nhanh nhất. b. Theo kết quả của câu a thì ngôi nhà cao 12 m.	
- Chiều cao của cây sấu so với chiều cao của ngôi nhà thế nào?	- chiều cao của cây sấu bằng chiều cao của ngôi nhà giảm đi 3 lần
- Muốn tính được chiều cao của cây sấu em làm phép tính gì?	- HS nêu: 12 : 3 - HS trình bày lời giải Bài giải Cây sấu đó cao số mét là: 12 : 3 = 4 (m) Đáp số : 4 m
- GV bao quát giúp đỡ HS còn lúng túng	

-> *GV chốt KT:* Củng cố giải toán về bảng chia 3 và cách trình bày bài giải - Kể một tình huống thực tế có sử dụng phép chia trong bảng chia 3? - Về nhà, các em học thuộc bảng chia 3 và đố mọi người trong gia đình xem ai đọc thuộc *Bảng chia 3* - GV nhận xét tiết học, dặn HS về ôn bài.	- HS nêu

---

Toán (Tăng)

Luyện tập: Bảng chia 4

I.YÊU CẦU CẦN ĐẠT:

1. Năng lực đặc thù.

- Tìm được kết quả của các phép tính trong *Bảng chia 4*
- Vận dụng được vào tính nhẩm, giải bài tập, bài toán thực tế liên quan đến *Bảng chia 4*.
- Phát triển năng lực lập luận, tư duy toán học và năng lực giao tiếp toán học.

2.Năng lực chung.

- Năng lực tự chủ, tự học: Chủ động học tập, tìm hiểu nội dung bài học. Biết lắng nghe và trả lời nội dung trong bài học.
- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Vận dụng Bảng chia 4 để tính nhẩm.
- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Thực hiện tốt nhiệm vụ trong hoạt động nhóm.

3. Phẩm chất.

- Phẩm chất nhân ái: Có ý thức giúp đỡ lẫn nhau để hoàn thành nhiệm vụ.
- Phẩm chất chăm chỉ: Chăm chỉ suy nghĩ, trả lời câu hỏi; làm tốt các bài tập.
- Phẩm chất trách nhiệm: Giữ trật tự, biết lắng nghe, học tập nghiêm túc.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

1. Giáo viên: Kế hoạch bài dạy, bài giảng Power point.

2. Học sinh: SGK và các thiết bị, học liệu phụ vụ cho tiết dạy.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

1. Khởi động:

- Cho HS chơi trò chơi: Ô cửa bí mật - GV trình chiếu trò chơi và phổ biến luật chơi. Ẩn sau mỗi ô cửa là 1 phép tính tương ứng. Mỗi HS sẽ lựa chọn 1 ô cửa và thực hiện nhiệm vụ sau mỗi ô cửa. - GV tổ chức cho HS chơi trò chơi để củng cố bảng chia 3, bảng chia 4 - GV nhận xét, giới thiệu bài	- HS tham gia chơi - HS ghi tên bài

2. Luyện tập

Bài 1: Tính nhẩm

16 : 4 = ☐	28 : ☐ = 7	☐ : 4 = 2
24 : 4= ☐	40 : ☐ = 10	☐ : 4 = 9

- Đọc yêu cầu? - Bài yêu cầu làm gì? - Yêu cầu HS làm bài?	- HS đọc - HS xác định yêu cầu đề. - HS suy nghĩ thực hiện vào vở cá nhân. - Hai bạn cùng bàn thảo luận cặp đôi, trao đổi đáp án.
- GV cho lớp nhận xét, chữa bài. -> *GV chốt KT*: Củng cố về bảng chia 3	- Các nhóm giơ tay trình bày kết quả

Bài 2: Tính?

32 mm : 4 =	16 kg : 4 =	28 dm : 4 =
20 cm : 4 =	12g : 4 =	4 *l* : 4 =

- Bài yêu cầu làm gì? - Yêu cầu HS làm bài?	- HS xác định yêu cầu đề. - HS suy nghĩ thực hiện vào vở cá nhân. - Hai bạn cùng bàn thảo luận cặp đôi, trao đổi đáp án.
- GV cho lớp nhận xét, chữa bài. -> *GV chốt KT*: Củng cố về các phép chia trong bảng chia 4 có kèm theo tên đơn vị.	- 3 em lên bảng chữa bài

Bài 3: Nối hai thương bằng nhau

12: 4	5 x 1	24: 4	32: 4	36: 4
20: 4	9: 3	3 x 3	12: 2	16: 2

- Bài yêu cầu gì? - Để nối đúng được 2 thương có kết quả bằng nhau ta cần phải làm gì?	- Nối hai thương bằng nhau - Ta cần phải thực hiện các phép chia và so sánh kết quả.
- GV nhận xét, chốt đáp án đúng	- HS làm bài - Một số HS lên bảng chữa bài.

-> *GV chốt*:

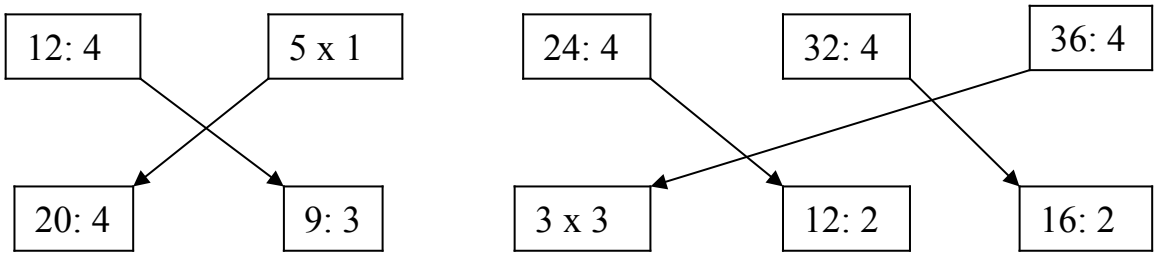

3.Vận dụng

Bài 4: Gia đình An có 8 người. Sau mỗi bữa cơm, mẹ An thường bổ cam để cả nhà ăn tráng miệng. Mỗi thành viên trong gia đình ăn 3 miếng cam.

a. Hỏi sau mỗi bữa cơm, gia đình An ăn hết bao nhiêu miếng cam?

b. Hôm nay An giúp bố mẹ bổ cam. An lấy 4 quả cam trong tủ lạnh ra và cắt thành các miếng nhỏ. Hỏi để đủ số miếng cam cho cả gia đình, An cần cắt mỗi quả cam thành mấy miếng?

a. - Bài cho biết gì?	- Gia đình An có 8 người. Sau mỗi bữa cơm, mẹ An thường bổ cam để cả nhà ăn tráng miệng. Mỗi thành viên trong gia đình ăn 3 miếng cam.
- Bài hỏi gì?	- Hỏi sau mỗi bữa cơm, gia đình An ăn hết bao nhiêu miếng cam?
- Muốn biết sau mỗi bữa cơm, gia đình An ăn hết bao nhiêu miếng cam ta làm thế nào?	- HS nêu
- GV cho HS tự trình bày bài giải vào vở.	- HS trình bày lời giải vào vở cá nhân. - HS chữa bài. Bài giải Sau mỗi bữa cơm, gia đình An ăn hết số miếng cam là: 3 x 8 = 24 (m) Đáp số: 24m
- GV thu chấm 5 em nhanh nhất. b. Theo kết quả của câu a thì sau mỗi bữa cơm gia đình An ăn hết 24 miếng cam. - An lấy mấy quả trong tủ lạnh ra để cả nhà ăn tráng miệng?	- An lấy 4 quả
- Để có đủ 24 miếng cam cho cả gia đình, An cần cắt mỗi quả cam thành mấy miếng?	- HS nêu - HS trình bày lời giải Bài giải Để đủ số miếng cam cho cả gia đình, An cần cắt mỗi quả cam thành số miếng là 24 : 4 = 6 (miếng) Đáp số: 6 miếng
- GV bao quát giúp đỡ HS còn lúng túng -> *GV chốt KT:* Củng cố giải toán về bảng chia 4 và cách trình bày bài giải	
- Kể một tình huống thực tế có sử dụng phép chia trong bảng chia 4?	- HS nêu
- Về nhà, các em học thuộc bảng chia 4 và đố mọi người trong gia đình xem ai đọc thuộc *Bảng chia 4*.	
- GV nhận xét tiết học, dặn HS về ôn bài.	- HS lắng nghe

Toán (Tăng)

Luyện tập: Bảng chia 3, bảng chia 4

I.YÊU CẦU CẦN ĐẠT:

1. Năng lực đặc thù.

- HS tìm được kết quả các phép tính trong bảng chia 3 và thành lập được bảng chia 3.
- Phát triển năng lực lập luận, tư duy toán học và năng lực giao tiếp toán học.

2.Năng lực chung.

- Năng lực tự chủ, tự học: Chủ động học tập, tìm hiểu nội dung bài học. Biết lắng nghe và trả lời nội dung trong bài học.
- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Vận dụng Bảng chia 3 để tính nhẩm.
- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Thực hiện tốt nhiệm vụ trong hoạt động nhóm.

3. Phẩm chất.

- Phẩm chất nhân ái: Có ý thức giúp đỡ lẫn nhau để hoàn thành nhiệm vụ.
- Phẩm chất chăm chỉ: Chăm chỉ suy nghĩ, trả lời câu hỏi; làm tốt các bài tập.
- Phẩm chất trách nhiệm: Giữ trật tự, biết lắng nghe, học tập nghiêm túc.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

1. Giáo viên: Kế hoạch bài dạy, bài giảng Power point.

2. Học sinh: SGK và các thiết bị, học liệu phụ vụ cho tiết dạy.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

1. Khởi động:

- Cho lớp chơi trò chơi "Vòng quay kì diệu" trả lời các câu hỏi liên quan đến bảng chia 3, 4.	- HS tham gia chơi
- GV nhận xét, giới thiệu bài	- HS ghi tên bài

2. Luyện tập

Bài 1: Nối thương với số cho phù hợp

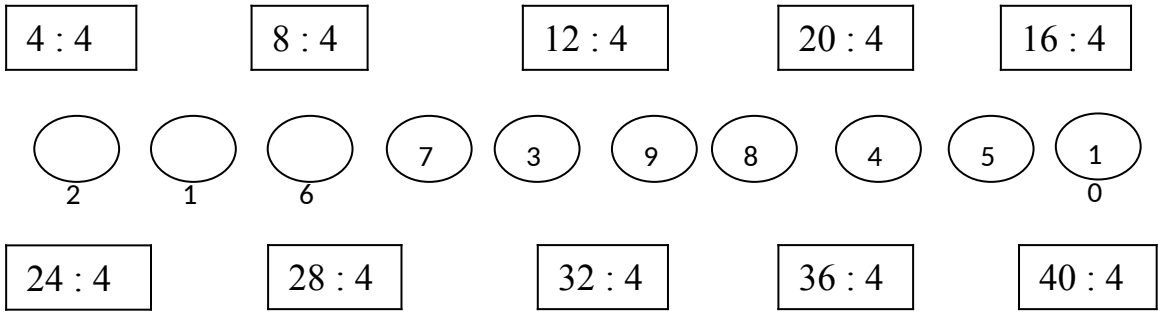

- Bài yêu cầu gì?	- Nối thương với số cho phù hợp
- Để nối đúng ta cần phải làm gì?	- Ta cần tìm kết quả của phép chia.
	- HS làm bài
- GV nhận xét, chốt đáp án đúng	- Một số HS lên bảng chữa bài.

-> *GV chốt KT*:

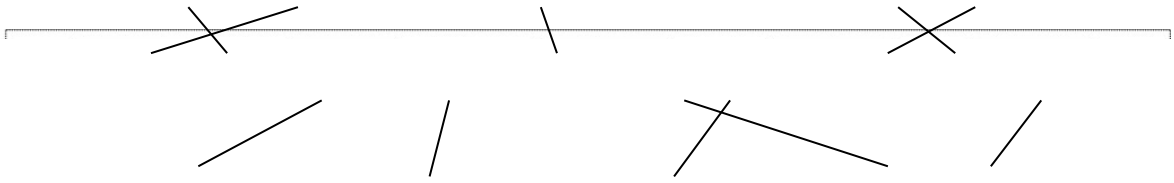

-> *GV chốt KT*: Củng cố về bảng chia 4

Bài 2: Điền dấu >, <, =

28 : 4 ……3 x 2 | 24 : 4……24 : 3

20 : 4……30 : 3 | 18 : 3…….6 : 3

- Nêu yêu cầu của đề bài? - Muốn điền dấu đúng chúng ta cần phải làm gì?	- Điền dấu >, <, = - HS: Phải thực hiện tính ở cả hai vế sau đó so sánh rồi chọn dấu để điền. - HS làm bài, đổi chép vở kiểm tra - HS lên bảng chữa bài 28 : 4 > 3 x 2; 20 : 4 < 30 : 3 16 : 4 < 24 : 3; 18 : 3 = 24 : 4

-> *GV chốt KT*: Củng cố về bảng chia 3, bảng chia 4

Bài 3: Tính.

36 : 4 + 5 =

45 + 27 : 3 =

56 - 24 : 3 = 70 – 32 : 4 =

- Nêu yêu cầu của đề bài? - GV bao quát giúp đỡ HS còn chậm tiến - GV nhận xét chữa bài.	- Tính - HS làm bài, đổi chép vở kiểm tra - HS lên bảng chữa bài 36 : 4 + 5 = 9+5 = 14 45 + 27 : 3 =45 + 9 = 54 56 - 24 : 3 = 56 – 8 = 48 70 – 32 : 4 = 70 – 8 = 62

-> *GV chốt KT*: Củng cố cách tính giá trị của biểu thức.

3.Vận dụng

Bài 4: Bà mai đi chợ mua 12 cái bánh. Bà chia đều số bánh đó cho các cháu của mình, mỗi cháu nhận được 3 cái bánh. Hỏi bà Mai có bao nhiêu người cháu?

- Cho HS đọc đề + Bài toán cho biết gì? + Bài toán hỏi gì? - Muốn biết bà Mai có bao nhiêu người cháu ta làm tính gì?	- HS đọc đề, thảo luận. - Bà mai đi chợ mua 12 cái bánh. Bà chia đều số bánh đó cho các cháu của mình, mỗi cháu nhận được 3 cái bánh - Hỏi bà Mai có bao nhiêu người cháu? - Ta thực hiện phép tính chia - HS trình bày bài giải vào vở Bài giải Bà Mai có số người cháu là: 12 : 3 = 4 (người) Đáp số: 4 người

-> *GV chốt KT:* Củng cố giải toán về bảng chia 3 và cách trình bày bài giải

- Dặn HS về nhà ôn lại bảng chia 3, bảng	- HS nghe và thực hiện

chia 4, tìm một số tình huống thực tế liên quan đến bảng chia 3, bảng chia 4 đã học.
- GV nhận xét tiết học, dặn HS về ôn bài.